TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2023/DS-ST
Ngày: 28-7-2023
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy GCNQSDĐ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Từ Thị Hải Dương
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thoan; Ông Trương Xuân Mâu
- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Bá Tuấn Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 86/2022/TLST-DS ngày 01/12/2022 về "Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu phản tố đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1858/2023/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đinh Minh X, sinh năm 1948, địa chỉ tại thôn L, xã M, huyện M, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: anh Đinh Minh N, sinh năm 1984, trú tại thôn L, xã M, huyện M, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Bị đơn: Bà Đinh Thị S, sinh năm 1972, địa chỉ tại thôn L, xã M, huyện M, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
+ Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Bình, có đơn xin xử vắng mặt.
+ Ủy ban nhân dân xã M, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, phiên hòa giải nguyên đơn trình bày: Ngày 23/11/2000 ông được UBND huyện Minh Hóa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 357398 để trồng rừng theo Dự án 661 tại vùng đồi thuộc thôn Mó O, thôn L, xã M, huyện M, tỉnh Quảng Bình, tại thửa đất số 68, tờ bản đồ số 3 có diện tích 9.200m^2. Đến tháng 2/2021 ông phát hiện bà Đinh Thị S đã trồng cây keo lên đất của ông có diện tích (sau khi Tòa án nhân nhân

tỉnh Quảng Bình thẩm định lại ngày 20/6/2023) lấn chiếm là 2.436,37m^2 (có ký hiệu S2 trong bản vẽ hiện trạng ngày 20/6/2023). UBND xã Minh Hóa đã tiến hành hòa giải nhưng không thống nhất được, bà Đinh Thị S không trả lại đất cho ông. Vì vậy ông đã khởi kiện để đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà S trả lại đất cho ông.

Đơn phản tố ngày 08/10/2022 và bản tự khai, phiên hòa giải bị đơn bà Đinh Thị S trình bày:

Diện tích đất tranh chấp với ông Đinh Minh X đang tranh chấp có nguồn gốc do bố mẹ bà S khai hoang từ năm 1985 đến năm 1995, khi bà lập gia đình thì được bố mẹ giao cho gia đình bà quản lý, sử dụng. Đến năm 2000 chính quyền thôn L và lâm trường tiến hành chia đất vùng Mó O thuộc thôn L cho các hộ trồng rừng theo Dự án 661. Sau khi chia đất cho các hộ phát xẻ xong thì còn mảnh đất đất tranh chấp mà trước đây gia đình bà canh tác là chưa phát xẻ vẫn còn chừa lại. Thửa đất bà trồng cây hai bên cạnh có đất của ông Đinh Minh X và đất của bà Đinh Thị Báu. Khi lâm trường về kiểm tra để nghiệm thu thì không nghiệm thu được vì mảnh đất này vẫn chưa phát xẻ. Khi đó ông Đinh Xuân Lạp Bí thư kiêm Trưởng thôn và ông Đinh Minh Tuyển cán bộ lâm trường đến đến nhà bà trao đổi và giao đất mảnh đất đó cho gia đình bà phát xẻ để trồng cây, gia đình bà cũng đã cam kết sẽ phát xẻ và trồng cây theo yêu cầu của lâm trường. Khi lâm trường nghiệm thu thì cũng giao luôn mảnh đất này cho gia đình bà, sau đó gia đình bà cũng đã được UBND huyện Minh Hóa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (cấp năm 2000) có diện tích 5.000m^2. Năm 2008 đất tại vùng đồi thuộc thôn Mó O được chính quyền xã Minh Hóa thông báo thu hồi sổ đỏ, gia đình bà và một số hộ dân đã nộp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy nhiên thửa đất thuộc địa giới hành chính thị trấn Quy Đạt và xã Minh Hóa nên đến nay vẫn chưa nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp đổi. Có một số hộ chưa nộp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong đó có ông Đinh Minh X. Ông X đã lấy giấy chứng nhận này để khởi kiện đòi lại đất nhưng trên thực tế thửa đất này gia đình bà đã sử dụng từ năm 2000 cho đến nay, hiện tại bà vẫn đang trồng cây trên thửa đất nói trên. Vì vậy, bà S đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 357398 thửa số 68, tờ bản đồ số 3, cấp ngày 23/11/2000 mang tên hộ ông Đinh Minh X tại vùng đồi Mó O thuộc thôn L, xã M, huyện M, tỉnh Quảng Bình vì không chính xác, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì đất của ông X có diện tích là 9.200 m^2 nhưng khi Tòa án huyện Minh Hóa thẩm định thì chỉ có diện tích là 3.073m^2 để ông Đinh Minh X không lợi dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không chính xác này tranh chấp đất của bà; Bà đề nghị công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 2.436,37m^2 (có ký hiệu S1) trong bản vẽ hiện trạng ngày 20/6/2023) cho gia đình bà vì gia đình bà đã sử dụng mảnh đất này trong 22 năm qua.

Ý kiến của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình: Tại công văn số 17/TNMT ngày 19/6/2023 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Minh Hóa có ý kiến:

Năm 2000, được sự hỗ trợ của Dự án an toàn lương thực để thực hiện công tác giao đất, giao rừng (bản đồ vẽ bằng tay), UBND huyện đã giao cho Hạt kiểm lâm làm chủ đầu tư để thực hiện công tác giao đất, giao rừng và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện, trong đó có xã Minh Hóa. Theo trình bày của nguyên đơn và bị đơn thì năm 2000, UBND huyện có cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. UBND huyện xác nhận có cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân ở xã Minh Hóa. Tuy nhiên, do công tác lưu trữ hiện tại không có hồ sơ lưu nên UBND huyện Minh Hóa không thể khẳng định năm 2000 có cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông X, bà S hay không.

Năm 2007 xã Minh Hóa thực hiện đo vẽ lại bản đồ địa chính xã theo hệ tọa độ VN 2000 đồng thời cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình và cá nhân phù hợp với hệ thống bản đồ mới. Tuy nhiên tại vị trí diện tích đất tranh chấp có một phần thuộc địa giới hành chính của xã Quy Hóa cũ (nay là thị trấn Quy Đạt) nên không quy chủ cho các hộ gia đình mà được đo vẽ là thửa đất số 33 tờ bản đồ số 26 có diện tích 56.358m^2 do UBND xã Minh Hóa quản lý.

Qua kết quả xác minh thì vị trí đất tranh chấp có một phần thuộc thửa đất số 33 tờ bản đồ số 26 xã Minh Hóa và một phần thửa đất số 121 tờ bản đồ số 6 bản đồ xã Quy Hóa cũ (nay là thị trấn Quy Đạt). Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo pháp luật.

Tại biên bản xác minh ngày 20/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đối với cán bộ địa chính xã Minh Hóa thể hiện nội dung: Theo bản đồ 364 thì địa giới hành chính giữa 2 xã, thị trấn Minh Hóa – Quy Đạt đã hình thành từ năm 1993 đến nay không có sự thay đổi. Tại thời điểm giao đất cho ông Đinh Minh X cũng như các hộ dân khác tại xã Minh Hóa vào năm 2000 không có tọa độ nên không thể biết diện tích ghi trong thẻ đỏ nằm cụ thể ở vị trí nào. Giấy cấp đất tại thôn lạc thiện nhưng phần tranh chấp giữa các hộ nằm trên địa giới thị trấn Quy Đạt do quá trình sử dụng đất, các hộ tự phát sẻ cây xâm canh xâm cư. Hiện nay, khu vực tranh chấp có vị trí ở tờ bản đồ số 26 xã Minh Hóa. Quá trình cấp thẻ đỏ cho các hộ năm 2000 đến nay thì có thực hiện cấp đổi vào năm 2008 theo hệ tọa độ VN 2000. Tuy nhiên, một số hộ không giao nộp thẻ đỏ và không làm đơn xin cấp đổi nên đến nay không được cấp đổi, trong đó có hộ ông Đinh Minh X.

Những người làm chứng cho ông Đinh Minh X gồm bà Đinh Thị B và bà Đinh Thị M trình bày: Bà Đinh Thị S không có đất giữa hộ hộ bà Báu và hộ ông X cũng như giữa hộ bà M và hộ ông X. Bà Đinh Thị S không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà Đinh Thị M được nhà nước giao đất từ năm 2000 để trồng thông theo dự án 661 tại thửa 67, tờ bản đồ số 03, có hộ liền kề là ông Đinh Minh X thửa 68 và kế tiếp là hộ bà Đinh Thị B thửa 69. Ba hộ sử dụng đất liền kề nhau từ năm 2000 đến nay. Việc bà Đinh Thị S tranh chấp đòi hủy giấy của ông Đinh Minh X là không có căn cứ.

Người làm chứng cho bà Đinh Thị S có ông Đinh Xuân L, nguyên bí thư kiêm trưởng thôn L trình bày: Năm 2000, ông Đinh Minh X được UBND huyện

giao đất trồng rừng, diện tích bao nhiêu ông không rõ. Liền kề thửa đất ông X trồng rừng có hộ bà Đinh Thị S và ông Cao Ngọc Th (bà M). Bà S sử dụng đất trồng rừng từ năm 2000. Sau khi nhà nước giao đất cho các hộ nhưng trồng không hết đất nên anh Đinh Minh Tuyển là cán bộ lâm trường thấy một số diện tích không ai phát sẻ nên bàn với thôn gọi người phát sẻ để tiếp tục phủ xanh đất trống. Ông Lạp bàn với vợ chồng anh Quý, chị S phát sẻ cây để trồng. Sau đó anh Quý, chị S đã phát sẻ và trồng cây từ năm 2000 đến nay. Xung quanh có hộ bà Báu và ông X. Ông Lạp biết việc chị S trồng cây vì thời điểm đó ông là trưởng thôn nên đi chỉ đất cho dân phát sẻ để trồng rừng.

Theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ phần đất tranh chấp. Kết quả theo ông Đinh Minh X dẫn đạc đất ông theo giấy chứng nhận S1 + S2 = 5.813,87 m^2; Đất bà S dẫn đạc: ký hiệu S1 có diện tích 2.436,37 m^2. Trên phần đất tranh chấp có diện tích cây trồng S3= 395,46 m^2 cả hai bên tranh chấp đất và cây.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày: Gia đình nguyên đơn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2000 với diện tích 9.200 m^2 tại thôn Lạc Thiện, xã Minh Hóa tại thửa đất số 68, tờ bản đồ số 03. Gia đình sử dụng từ năm 2000 đến năm 2021 thì phát hiện bà S trồng cây trên diện tích 2.436 m^2. Sở dĩ trước đây, ông chỉ khởi kiện yêu cầu bà S trả lại diện tích 772m^2 do bà S chỉ dẫn đạc diện tích cây trồng của chị 772 m^2. Nay căn cứ vào kết quả thẩm định lại thì khởi kiện buộc bị đơn phải trả lại diện tích đất 2.040 m^2 vì tại phần diện tích bà S dẫn đạc thì có cây của nguyên đơn trồng tại phần đánh dấu là S3 có diện tích 395,46 m^2.

Bị đơn trình bày: không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn vì diện tích đất bị đơn đã sử dụng từ năm 2000 chứ không phải năm 2021 như nguyên đơn trình bày. Thửa đất bị đơn canh tác là thửa 116, tờ bản đồ số 26 chứ không canh tác trên thửa đất của nguyên đơn. Đất ông X được giao năm 2000 không có tọa độ nên không biết vị trí chỗ nào và diện tích tranh chấp cũng không trùng diện tích ghi trên giấy và không đúng vị trí. Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông X vì giấy đó không đúng, không có thật. Bà S yêu cầu công nhận diện tích gia đình bà đang sử dụng.

Ý kiến nguyên đơn: Khẳng định việc cấp giấy của UBND huyện Minh Hóa là đúng quy định, bà S không có quyền yêu cầu hủy giấy chứng nhận. Đề nghị bà S xuất trình giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà S. Việc bà S nói canh tác tại số thửa, tờ bản đồ 26 là tờ bản đồ mới.

Ý kiến bị đơn: Bị đơn đã nộp lại giấy để cấp đổi theo chủ trương của UBND xã nhưng liên quan đến nhiều địa giới hành chính nên không được cấp lại và hiện tại không có giấy để xuất trình theo yêu cầu của ông X.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu: về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Tòa xử bác yêu cầu của nguyên đơn, chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn để hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho nguyên đơn tại thửa 68, tờ bản đồ số 03 tại thôn Lạc Thiện, xã Minh Hóa và

không chấp nhận yêu cầu công nhận đất vì không thuộc thẩm quyền của Tòa án. Hai bên có quyền thực hiện việc đăng ký đất đai tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] .Về tố tụng: Tranh chấp giữa ông Đinh Minh X và bà Đinh Thị S là tranh chấp quyền sử dụng đất có yêu cầu phản tố đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 9 Điều 26, Điều 34, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Đinh Minh X buộc bà Đinh Thị S phải trả lại đất đã lấn chiếm 2.040 m^2 tại thửa đất số 68, tờ bản đồ số 03 thôn L, xã M, huyện M, tỉnh Quảng Bình, giấy chứng nhận cấp cho ông Đinh Minh X, Hội đồng xét xử thấy:

Năm 2000, UBND huyện Minh Hóa cấp cho ông X 9.200 m^2 đất để trồng rừng tại thửa 68, tờ bản đồ số 3, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 357398 địa chỉ tại thôn L, xã M, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Tuy nhiên, quá trình giao đất không bàn giao trên thực địa nên các hộ trong đó có hộ ông Đinh Minh X không sử dụng đất đúng diện tích, đúng vị trí được giao theo giấy chứng nhận. Điều này dẫn đến việc các hộ dân phát sẻ trồng rừng một cách tự phát, sử dụng không đúng diện tích. Theo ông X, năm 2021 ông mới phát hiện bà S trồng cây trên phần đất ông được UBND huyện Minh Hóa giao năm 2000. Tuy nhiên theo bà S thì bà đã trồng cây từ năm 2000. Lời trình bày của bà S phù hợp với lời trình bày của ông Lạp nguyên trưởng thôn Lạc Thiện đã xác định chính ông đi chỉ đất cho bà S trồng từ năm 2000 do 1 số hộ dân phát sẻ không hết diện tích đất gioa theo giấy chứng nhận. Qua xem xét thẩm định tại chỗ thấy giữa các diện tích cây trồng của các hộ đều phân định với nhau rõ ràng bởi các rảnh đất trống. Nên việc ông X cho rằng Bà S chỉ mới trồng cây từ năm 2021 là không có căn cứ. Tại buổi thẩm định tại chỗ ngày 10/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa thì diện tích bà S dẫn đạc 2.066 m^2 cũng gần giống với diện tích bà S dẫn đạc ngày 20/6/2023 là 2.436 m^2 do Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình tổ chức (kéo dài từ giáp đường giao thông (thôn Lạc Thiện) lên phía đỉnh đồi thuộc địa phận thị trấn Quy Đạt. Diện tích ông X dẫn đạc đất của ông ngày 10/5/2022 là 3.073 m^2. Điều này có nghĩa là ông thừa nhận phần đất bà S dẫn đạc ngoại trừ phần tranh chấp 772 m^2 là đất bà S sử dụng. Nhưng đến ngày 20/6/2023 thì ông X dẫn đạc bao gồm cả phần đất bà S dẫn đạc (S1 +S2), có diện tích 5.813,87 m^2 là mâu thuẫn với chính yêu cầu khởi kiện ban đầu của ông và không phù hợp trên thực tế ranh giới giữa các lô cây trồng của các hộ gia đình có ranh giới rõ ràng. Mặt khác, diện tích theo giấy chứng nhận cấp cho ông Đinh Minh X là tại thôn L, xã M nhưng theo dẫn đạc của ông thì phần diện tích tranh chấp

có hơn 1 nửa là thuộc địa phận thị trấn Quy Đạt và địa giới hành chính giữa xã M và xã Q, nay là thị trấn Q thay đổi nên không thể nói phần đất tranh chấp thuộc giấy chứng nhận đã cấp cho ông được. Vì vậy, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Minh X về việc buộc bà S phải trả lại diện tích lấn chiếm 2.070m^2.

[2.2] Xét yêu cầu phản tố của bà Đinh Thị S về việc hủy giấy chứng nhận cấp cho cho ông X và công nhận quyền sử dụng đất cho bà tại phần diện tích ký hiệu S1 trên bản vẽ, hội đồng xét xử thấy: theo những nhận định ở trên, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông X năm 2000 tại thửa 68, tờ bản đồ số 03 tại thôn Lạc Thiện không có hồ sơ cấp đất, không có tọa độ nên không xác định được vị trí đất. Mặt khác, năm 2007, nhà nước đã có chủ trương thu hồi để cấp lại giấy chứng nhận theo hệ tọa độ Vn 2000 nhưng hộ ông Đinh Minh X không nộp. Vì vậy, cần chấp nhận 1 phần yêu cầu phản tố của bà Đinh Thị S, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Đinh Minh X tại thửa 68, tờ bản đồ số 03, số vào sổ cấp giấy chứng nhận. Về yêu cầu công nhận phần diện tích bà đang sử dụng tại khu vực S1, Hội đồng xét xử thấy không thuộc thẩm quyền của Tòa án.

Bà S, ông X có quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tranh chấp cây cối tại phần diện tích ký hiệu S3, các bên không thỏa thuận được có quyền khởi kiện bằng vụ án Dân sự khác.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu khởi kiện của ông X không được chấp nhận nên ông phải chịu chi phí thẩm định tại chỗ 6.000.000 đồng. Ông X đã nộp đủ và chi phí hết.

[4] Về án phí: Miễn án phí sơ thẩm dân sự cho ông Đinh Minh X vì thuộc đối tượng người cao tuổi.

[5]. Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 34, khoản 1 Điều 157, Điều 227, Điều 228, Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 10,49,50,52,105,107, 123 Luật đất đai 2003 và các Điều 26, 99, 100,166,170, 202, 203 Luật đất đại 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lí và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Minh X về việc buộc bà Đinh Thị S phải trả lại diện tích đất lấn chiếm để trả lại thửa đất nói trên cho ông Đinh Minh X tại thửa đất 68, tờ bản đồ số 03 thôn L, xã M, huyện Minh Hóa.

2. Chấp nhận 1 phần yêu cầu phản tố của bà Đinh Thị S về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Đinh Minh X tại thửa 68, tờ bản đồ số 3 xã M, huyện M, số vào sổ cấp giấy: 00002/QSDĐ /1361/2000 do UBND

huyện Minh Hóa cấp ngày 23/11/2000. Không chấp nhận yêu cầu của bà S về việc công nhận diện tích đất bà đã sử dụng (kí hiệu S1) theo sơ đồ là 1 phần không thể thiếu của bản án vì không thuộc thẩm quyền của Tòa án.

Bà Đinh Thị S, ông Đinh Minh X có quyền kê khai để được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất đang sử dụng theo quy định của pháp luật.

3.Về chi phí thẩm định: Ông Đinh Minh X phải chịu 6.000.000 đồng, ông đã nộp đủ và chi hết.

4. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Đinh Minh X.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm lại. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do tòa án tống đạt.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh QB (P9);
- Các đương sự;
- TANDCC Đà Nẵng (khi có hiệu lực);
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình;
- Lưu án văn, Hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Từ Thị Hải Dương